

Vietland[®]

Limited

①

02 Huỳnh Khương Ninh St., Đ. Kao Ward, District 1, HCMC
Tel : (84-28) 3910 5401
Fax : (84-28) 3910 5402
Email : vietland@vietlandaudit.com.vn
Website : www.vietlandaudit.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 42

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Hội đồng quản trị			
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch	06 tháng 06 năm 2017	
Ông Huỳnh Tuấn Anh	Thành viên	27 tháng 04 năm 2018	
Ông Lê Trọng Hiếu	Thành viên	06 tháng 06 năm 2017	27 tháng 04 năm 2018
Ông Đặng Đức Hiền	Thành viên	06 tháng 06 năm 2017	
Ông Trần Quang Minh	Thành viên	06 tháng 06 năm 2017	
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	06 tháng 06 năm 2017	
Ông Lê Huy Hùng	Thành viên	06 tháng 06 năm 2017	
Ông Trần Văn Châu	Thành viên	06 tháng 06 năm 2017	
Ban kiểm soát			
Bà Lại Thị Thu	Trưởng ban	06 tháng 06 năm 2017	
Bà Dương Quỳnh Nga	Ủy viên	06 tháng 06 năm 2017	
Bà Trương Thị Thanh Nhung	Ủy viên	06 tháng 06 năm 2017	
Ông Nguyễn Ngọc Lương	Ủy viên	06 tháng 06 năm 2017	
Bà Lê Thị Kim Xuyên	Ủy viên	06 tháng 06 năm 2017	
Ban Giám đốc			
Ông Huỳnh Tuấn Anh	Giám đốc	27 tháng 04 năm 2018	
Ông Lê Trọng Hiếu	Giám đốc	06 tháng 06 năm 2017	27 tháng 04 năm 2018
Ông Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Giám đốc	06 tháng 06 năm 2017	01 tháng 09 năm 2018
Bà Lê Thị Thanh Tâm	Phó Giám đốc	06 tháng 06 năm 2017	
Bà Vũ Thị Như Quỳnh	Kế toán trưởng	06 tháng 06 năm 2017	

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Huỳnh Tuấn Anh chức danh Giám đốc/ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



HUỶNH TUẤN ANH - Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn, được lập ngày 11 tháng 03 năm 2019, từ trang 6 đến trang 42 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2019

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VŨ THẾ HOÀNG- Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0484-2018-037-1

PHẠM THỊ ÁNH DƯƠNG - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2698-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2018	31/12/2017
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		130.415.903.775	199.445.528.543
I . Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	32.462.303.526	50.360.540.017
1. Tiền	111		18.462.303.526	18.660.540.017
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.000.000.000	31.700.000.000
II . Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	50.596.753.234	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		50.596.753.234	-
III . Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.618.651.194	124.627.056.128
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	20.962.680.069	113.910.796.084
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.649.014.710	9.107.224.611
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	2.221.692.184	3.594.126.969
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(2.214.735.769)	(1.985.091.536)
IV . Hàng tồn kho	140	V.7	16.295.325.787	20.068.590.750
Hàng tồn kho	141		16.295.325.787	20.068.590.750
V . Tài sản ngắn hạn khác	150		6.442.870.034	4.389.341.648
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.213.660.600	3.289.786.145
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.229.209.434	1.099.555.503
B . TÀI SẢN DÀI HẠN	200		292.814.137.848	287.712.039.506
I . Các khoản phải thu dài hạn	210		13.292.634	7.901.515
Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	13.292.634	7.901.515
II . Tài sản cố định	220		222.772.919.456	215.821.215.714
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	222.302.125.599	215.164.353.136
Nguyên giá	222		728.842.790.708	679.798.003.772
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(506.540.665.109)	(464.633.650.636)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	470.793.857	656.862.578
Nguyên giá	228		5.074.186.666	4.651.186.666
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.603.392.809)	(3.994.324.088)
III . Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV . Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	9.690.368.158	12.468.282.925
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9.690.368.158	12.468.282.925
V . Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	8.330.000	8.330.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8.330.000	8.330.000
VI . Tài sản dài hạn khác	260		60.329.227.600	59.406.309.352
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	60.329.227.600	59.406.309.352
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		423.230.041.623	487.157.568.049

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
C . NỢ PHẢI TRẢ	300		212.501.383.269	275.104.039.872
I . Nợ ngắn hạn	310		169.862.060.477	251.411.870.558
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	106.546.476.852	153.361.303.772
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	6.259.777.265	4.334.289.690
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	11.757.132.561	17.221.716.855
4. Phải trả người lao động	314		15.936.994.299	17.554.600.887
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	12.090.394.702	39.515.227.083
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	10.254.644.878	15.483.856.213
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	3.737.480.000	1.788.212.721
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	3.279.159.920	2.152.663.337
II . Nợ dài hạn	330		42.639.322.792	23.692.169.314
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	16.371.815.341	18.845.260.211
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	23.454.660.986	3.711.736.608
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19	2.812.846.465	1.135.172.495
D . VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		210.728.658.354	212.053.528.177
I . Vốn chủ sở hữu	410	V.20	210.728.658.354	212.053.528.177
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		130.000.000.000	130.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>130.000.000.000</i>	<i>130.000.000.000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		63.849.723.527	63.113.094.929
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.878.934.827	18.940.433.248
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>3.325.468.227</i>	<i>1.341.752.120</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>13.553.466.600</i>	<i>17.598.681.128</i>
II . Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		423.230.041.623	487.157.568.049

Thành phố Hồ chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2019


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
 Người lập biểu


VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Kế toán trưởng


HUỲNH TUẤN ANH
 Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2018	2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.016.573.814.286	1.077.994.389.217
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.512.509.685	262.876.562
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.011.061.304.601	1.077.731.512.655
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	940.164.705.411	1.010.690.729.432
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		70.896.599.190	67.040.783.223
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.130.698.753	1.241.415.390
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.343.929.448	778.201.669
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.343.929.448	778.201.669
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	17.247.322.660	13.507.292.184
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	40.302.364.921	38.397.997.255
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.133.680.914	15.598.707.505
11. Thu nhập khác	31		2.263.773.424	7.374.166.497
12. Chi phí khác	32		600.502.829	986.341.131
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	1.663.270.595	6.387.825.366
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.796.951.509	21.986.532.871
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	1.565.810.939	3.252.679.248
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	1.677.673.970	1.135.172.495
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.553.466.600	17.598.681.128
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a	679	909
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10b	679	909

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2019


 NGUYỄN THỊ KIM LOAN
 Người lập biểu


 VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Kế toán trưởng


 HUỲNH TUẤN ANH
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)


Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2018	2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.796.951.509	21.986.532.871
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		45.692.358.185	44.500.206.731
- Các khoản dự phòng	03		229.644.233	66.440.804
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.764.062.249)	(4.380.522.495)
- Chi phí lãi vay	06		1.343.929.448	778.201.669
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		60.298.821.126	62.950.859.580
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		98.061.460.599	(97.542.050.293)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.773.264.963	49.464.845.265
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(81.628.158.782)	50.466.470.830
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		153.207.297	(690.473.752)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.061.509.761)	(778.201.669)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.520.826.326)	(3.178.813.252)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		113.590.000	193.234.127
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.765.429.840)	(6.100.778.401)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		71.424.419.276	54.785.092.435
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(53.612.966.535)	(40.146.028.783)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22		73.650.822	62.236.105
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(98.640.917.618)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		48.044.164.384	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.272.666.479	1.191.561.223
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(101.863.402.468)	(38.892.231.455)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		27.192.140.986	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.499.949.329)	(2.199.169.755)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.151.444.956)	(9.068.336.885)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		12.540.746.701	(11.267.506.640)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(17.898.236.491)	4.625.354.340
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		50.360.540.017	45.735.185.677
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	32.462.303.526	50.360.540.017

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2019


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
 Người lập biểu


VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Kế toán trưởng


HUỲNH TUẤN ANH
 Giám đốc



Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (tên giao dịch: Cho Lon Wasuco JSC) là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất lần thứ nhất ngày 02 tháng 06 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ hai số 0304797806 ngày 16 tháng 05 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Ông Lê Trọng Hiếu thay thế Ông Phạm Mạnh Đức.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ ba số 0304797806 ngày 18 tháng 5 năm 2018, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Huỳnh Tuấn Anh thay thế Ông Lê Trọng Hiếu

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 223/2010/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với số lượng 13.000.000 cổ phiếu niêm yết tương ứng 130.000.000.000 VND. Ngày 11 tháng 01 năm 2011, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CLW.

- **Vốn điều lệ** : 130.000.000.000 VND
- Số cổ phiếu : 13.000.000 cổ phiếu
- Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

• Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 97 đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-08) 3 9552 354
- Fax : (84-08) 3 9550 424
- Mã số thuế : 0 3 0 4 7 9 7 8 0 6

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Ngành, nghề kinh doanh

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ: khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
- Xây dựng công trình cấp nước;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Lập dự án;
- Thăm tra thiết kế;
- Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
- Đại lý ký gửi hàng hóa./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính

Công ty hiện đang hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nước sạch phục vụ tiêu dùng và sản xuất, cùng với sự phát triển của hệ thống đô thị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật nói chung và hệ thống công trình cấp nước nói riêng từng bước được đầu tư xây dựng đồng bộ nhằm đáp ứng các nhu cầu của xã hội là sự gia tăng về các chi phí lắp đặt hệ thống, mạng lưới cấp nước. Nhằm tuân thủ các quy định tại Nghị định 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, Hàng năm Công ty phát sinh một khoản chi phí gắn mới đồng hồ nước miễn phí cho dân theo kế hoạch của Ủy Ban nhân dân Thành phố mỗi năm là khác nhau. Năm nay Công ty thay đổi thời gian phân bổ chi phí gắn mới đồng hồ nước này từ 3 năm lên 5 năm cho phù hợp với đặc tính kỹ thuật của đồng hồ nước. Việc thay đổi thời gian phân bổ này có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty trong năm nay (Xem thuyết minh số III.2).

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 456 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 448 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là kỳ kế toán năm thứ 12 của Công ty kể từ ngày chính thức chuyển sang công ty cổ phần.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Thay đổi ước tính kế toán

Căn cứ Thông tư 23/2013/TT-BKHCN về việc quy định đo lường đối với các phương tiện đo nhóm 2, trong đó đồng hồ nước lạnh cơ khí chu kỳ kiểm định là 5 năm. Ban Giám đốc Công ty quyết định thay đổi thời gian phân bổ các chi phí phát sinh liên quan đến việc gắn mới đồng hồ nước từ 3 năm lên 5 năm cho phù hợp với đặc tính kỹ thuật của đồng hồ nước kể từ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Việc thay đổi thời gian phân bổ chi phí gắn mới đồng hồ nước đã làm chỉ tiêu “Giá vốn hàng bán” trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018 giảm xuống với số tiền là 9.428.599.563 VND (Năm 2017 là 7.439.413.566 VND), điều này làm cho kết quả hoạt động kinh doanh “Lợi nhuận trước thuế” năm nay và “Chi phí trả trước dài hạn” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 tăng lên tương ứng với số tiền là 9.428.599.563 VND (Năm 2017 là 7.439.413.566 VND).

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu tiền thi công xây dựng các công trình, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013” và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 – 50
Máy móc thiết bị	05 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 08
Phương tiện vận tải	06 – 10
Phương tiện truyền dẫn	10 – 30

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 2 - 3 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,... tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ)/ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Tài sản cố định” khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản chi phí mua bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên, chi phí gắn mới và thay thế đồng hồ nước, chi phí cải tạo ống mục và chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Chi phí thay đồng hồ nước định kỳ, chi phí cải tạo ống mục được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.
- Chi phí gắn đồng hồ nước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa văn phòng làm việc, được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả bồi thường, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009. Năm nay là năm thứ 9 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Tiền mặt	15.458.083	17.995.993
Tiền gửi ngân hàng	18.446.845.443	18.642.544.024
Các khoản tương đương tiền (i)	14.000.000.000	31.700.000.000
Cộng	<u>32.462.303.526</u>	<u>50.360.540.017</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Chi nhánh Bình Tây và Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam với lãi suất từ 5,4 - 5,5%/ năm (năm 2017: 5%/ năm)

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>31/12/2018</u>		<u>31/12/2017</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a) Ngắn hạn	50.596.753.234	50.596.753.234	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	50.596.753.234	50.596.753.234	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn (i)	33.096.753.234	33.096.753.234	-	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (ii)	17.500.000.000	17.500.000.000	-	-
b) Dài hạn	8.330.000	8.330.000	8.330.000	8.330.000
Các khoản đầu tư khác	8.330.000	8.330.000	8.330.000	8.330.000
Cộng	<u>50.605.083.234</u>	<u>50.605.083.234</u>	<u>8.330.000</u>	<u>8.330.000</u>

(i) Khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng với lãi suất 7,1%/ năm

(ii) Khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 5,1 tới 5,4%/ năm

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2018</u>		<u>31/12/2017</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khách hàng liên quan đến ngành nước	20.962.680.069	2.214.735.769	113.910.796.084	1.985.091.536
Cộng	<u>20.962.680.069</u>	<u>2.214.735.769</u>	<u>113.910.796.084</u>	<u>1.985.091.536</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	12.951.055.881	-	104.486.986.997	-
Cộng	12.951.055.881	-	104.486.986.997	-

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018	31/12/2017
Công ty TNHH ĐTXD - Cấp Thoát Nước & Môi Trường WASEEN	734.715.075	2.196.000.000
Công ty TNHH MTV Hưng Đại Việt	-	1.238.991.723
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	1.021.211.847	1.614.682.386
Công Ty TNHH XDBCN & Đường Ong Hoàng Thăng	-	810.821.820
Công ty TNHH MTV Bá Đức	1.424.379.997	1.702.000.000
Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	103.158.207	446.849.460
Các khách hàng khác	365.549.584	1.097.879.222
Cộng	3.649.014.710	9.107.224.611

Trong đó trả trước người bán là các bên liên quan

	31/12/2018	31/12/2017
Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	103.158.207	446.849.460
Cộng	103.158.207	446.849.460

5. Các khoản phải thu khác

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	2.221.692.184	-	3.594.126.969	-
<i>Phải thu khác là bên liên quan</i>	15.695.000	-	3.002.722.416	-
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	-	-	2.987.027.416	-
Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước sạch	15.695.000	-	15.695.000	-
<i>Phải thu khác</i>	2.205.997.184	-	591.404.553	-
Phải thu về khoản cho mượn vật tư - Các phòng ban Công ty cổ phần Cấp Nước Chợ Lớn	882.388.624	-	169.243.868	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	941.469.774	-	83.437.500	-
Phải thu khác	382.138.786	-	239.917.185	-
Tạm ứng	-	-	98.806.000	-
b) Phải thu dài hạn khác	13.292.634	-	7.901.515	-
Ký quỹ dài hạn	13.292.634	-	7.901.515	-
Cộng	2.234.984.818	-	3.602.028.484	-

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	31/12/2018			31/12/2017		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khách hàng	5.041.407.910	2.826.672.141	2.214.735.769	4.402.234.575	2.417.143.039	1.985.091.536
Cộng	5.041.407.910	2.826.672.141	2.214.735.769	4.402.234.575	2.417.143.039	1.985.091.536

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,... theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	16.167.544.542	-	13.608.878.562	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	127.781.245	-	6.459.712.188	-
Cộng	16.295.325.787	-	20.068.590.750	-

8. Chi phí trả trước

	31/12/2018	31/12/2017
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	2.213.660.600	3.289.786.145
Công cụ dụng cụ	1.443.860.596	2.497.786.145
Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	769.800.004	792.000.000
b) Chi phí trả trước dài hạn	60.329.227.600	59.406.309.352
Chi phí sửa chữa văn phòng	127.590.081	186.159.069
Gắn đồng hồ nước theo Nghị định 117	43.602.581.187	40.971.608.997
Thay đồng hồ nước	9.513.146.861	11.325.930.424
Chi phí cài tạo ống mục	833.154.405	235.999.151
Lắp đặt màn sáo	12.941.530	51.766.134
Chi phí cài tạo ống mục chống thất thoát nước	4.997.114.068	2.947.263.633
Công cụ dụng cụ	35.521.955	276.979.203
Phần mềm ARCGIS	996.247.708	2.988.743.128
Xây dựng nhà kho vật tư	210.929.805	421.859.613
Cộng	62.542.888.200	62.696.095.497

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2018	29.000.000.000	936.718.486	632.169.320.477	17.691.964.809	679.798.003.772
Tăng trong năm	216.148.586	67.990.000	52.658.681.147	1.073.041.875	54.015.861.608
Mua trong năm	-	67.990.000	-	1.073.041.875	1.141.031.875
Đầu tư XD/CB hoàn thành	216.148.586	-	52.658.681.147	-	52.874.829.733
Giảm trong năm	-	-	4.971.074.672	-	4.971.074.672
Thanh lý, nhượng bán	-	-	412.735.629	-	412.735.629
Giảm nguyên giá theo Quyết toán	-	-	1.774.550.784	-	1.774.550.784
Sửa chữa, tu bổ	-	-	2.783.788.259	-	2.783.788.259
31/12/2018	29.216.148.586	1.004.708.486	679.856.926.952	18.765.006.684	728.842.790.708
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2018	1.159.999.997	847.677.644	450.817.590.257	11.808.382.738	464.633.650.636
Tăng trong năm	584.608.736	41.494.114	41.800.092.360	2.657.094.254	45.083.289.464
Khấu hao trong năm	584.608.736	41.494.114	41.800.092.360	2.657.094.254	45.083.289.464
Giảm trong năm	-	-	3.176.274.991	-	3.176.274.991
Thanh lý, nhượng bán	-	-	412.735.629	-	412.735.629
Giảm theo Quyết toán	-	-	2.763.539.362	-	2.763.539.362
31/12/2018	1.744.608.733	889.171.758	489.441.407.626	14.465.476.992	506.540.665.109
Giá trị còn lại					
31/12/2017	27.840.000.003	89.040.842	181.351.730.220	5.883.582.071	215.164.353.136
31/12/2018	27.471.539.853	115.536.728	190.415.519.326	4.299.529.692	222.302.125.599
<i>Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng, chi tiết:</i>					
31/12/2017	-	742.166.486	260.664.393.820	4.538.556.430	265.945.116.736
31/12/2018	-	801.366.486	279.536.766.250	8.307.711.043	288.645.843.779

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Phần mềm Quản lý</u>	<u>Cộng TSCĐ vô hình</u>
Nguyên giá		
01/01/2018	4.651.186.666	4.651.186.666
Tăng trong năm	423.000.000	423.000.000
Mua trong năm	423.000.000	423.000.000
Giảm trong năm	-	-
31/12/2018	5.074.186.666	5.074.186.666
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2018	3.994.324.088	3.994.324.088
Tăng trong năm	609.068.721	609.068.721
Khấu hao trong năm	609.068.721	609.068.721
Giảm trong năm	-	-
31/12/2018	4.603.392.809	4.603.392.809
Giá trị còn lại		
01/01/2018	656.862.578	656.862.578
31/12/2018	470.793.857	470.793.857
Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:		
31/12/2017	3.600.946.666	3.600.946.666
31/12/2018	3.951.186.666	3.951.186.666

11. Tài sản dở dang dài hạn

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Xây dựng cơ bản dở dang		
Công trình di dời đường ống	3.421.749.270	3.332.960.847
Công trình chống thất thoát nước	986.897.053	3.033.189.793
Công trình cải tạo ống mục	-	350.541.982
Công trình ống cái	1.441.724.098	1.769.079.944
Phát triển mạng lưới	2.820.694.737	3.982.510.359
Phát triển phần mềm Gis	1.019.303.000	-
Cộng	9.690.368.158	12.468.282.925

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	95.768.554.632	95.768.554.632	145.615.297.241	145.615.297.241
Công ty CP ĐT XD Kỳ Nguyên	6.409.323.688	6.409.323.688	901.542.711	901.542.711
Công ty CP ĐT XD & TM Thái Bình Dương	74.106.992	74.106.992	74.106.992	74.106.992
Công ty Cổ Phần Xây dựng số 5	-	-	2.909.598.399	2.909.598.399
Nhà cung cấp khác	4.294.491.540	4.294.491.540	3.860.758.429	3.860.758.429
Cộng	106.546.476.852	106.546.476.852	153.361.303.772	153.361.303.772

Trong đó phải trả người bán là bên liên quan

	31/12/2018		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn	95.768.554.632	95.768.554.632	145.615.297.241	145.615.297.241
Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh	223.677.256	223.677.256	-	-
Cộng	95.992.231.888	95.992.231.888	145.615.297.241	145.615.297.241

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018	31/12/2017
Truy thu tiền thất thoát nước	624.679.257	440.121.156
Tạm thu chi phí thiết kế ống ngầm	226.393.390	148.687.998
Tiền nước chưa giải trách	5.390.542.199	3.594.594.439
Khu quản lý giao thông đô thị số 1	-	19.367.000
Các khách hàng khác	18.162.419	131.519.097
Cộng	6.259.777.265	4.334.289.690

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	01/01/2018	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2018
Thuế Giá trị gia tăng nội địa	639.456.759	419.402.214	402.465.564	656.393.409
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.252.679.248	1.565.810.939	3.520.826.326	1.297.663.861
Thuế thu nhập cá nhân	360.675.024	3.159.049.873	3.120.340.246	399.384.651
Tiền nhà đất, tiền thuê đất	4.250.995.800	1.647.840.600	5.898.836.400	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí bảo vệ môi trường	8.717.910.024	95.130.068.264	94.444.287.648	9.403.690.640
Cộng	17.221.716.855	101.925.171.890	107.389.756.184	11.757.132.561

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Trích trước chi phí thuê thực hiện các công trình phát triển mạng lưới ống nước nghiệm thu nhưng chưa quyết toán	6.658.888.973	10.679.095.194
Trích trước chi phí gắn đồng hồ nước theo Nghị định 117	4.284.122.474	28.442.618.322
Trích trước chi phí gắn Ống cái	186.857.932	349.189.056
Thù lao Hội đồng quản trị	345.600.003	-
Chi phí khác (kinh phí đăng, DV vệ sinh)	614.925.320	44.324.511
Cộng	<u>12.090.394.702</u>	<u>39.515.227.083</u>

16. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác	10.254.644.878	15.483.856.213
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	711.572.719	7.109.095.468
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	70.000.000	110.000.000
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	9.387.138	9.387.138
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	5.547.209.146	5.170.304.073
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	27.396.443	239.749.986
Cổ tức phải trả cho cổ đông	1.065.178.735	1.116.623.691
Các khoản phải trả khác	2.823.900.697	1.728.695.857
b) Phải trả dài hạn khác	16.371.815.341	18.845.260.211
Phải trả khách hàng đầu tư ống cái gắn đồng hồ nước	16.371.815.341	18.845.260.211
Cộng	<u>26.626.460.219</u>	<u>34.329.116.424</u>
Trong đó phải trả khác là bên liên quan		
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	711.572.719	7.109.095.468
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	70.000.000	110.000.000
Cộng	<u>781.572.719</u>	<u>7.219.095.468</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vay và nợ tài chính

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.788.212.721	1.788.212.721	3.737.480.000	1.788.212.721	3.737.480.000	3.737.480.000
Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn đến hạn trả	1.788.212.721	1.788.212.721	-	1.788.212.721	-	-
Vay dài hạn Ngân hàng NN&PTNT đến hạn trả (i)	-	-	3.737.480.000	-	3.737.480.000	3.737.480.000
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.711.736.608	3.711.736.608	27.192.140.986	7.449.216.608	23.454.660.986	23.454.660.986
Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	3.711.736.608	3.711.736.608	-	3.711.736.608	-	-
Vay dài hạn Ngân hàng NN&PTNT (i)	-	-	27.192.140.986	3.737.480.000	23.454.660.986	23.454.660.986
Cộng	5.499.949.329	5.499.949.329	30.929.620.986	9.237.429.329	27.192.140.986	27.192.140.986

(i) Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn :

Hợp đồng tín dụng : Số 6220-LAV-2017.01235/HĐTD ngày 30 ngày 11 tháng 2017.

Số tiền cho vay : 43.800.000.000 VND.

Thời gian cho vay : 8 năm (kể từ ngày giải ngân).

Thời gian ân hạn : 1 năm.

Lãi suất cho vay : 7,5%/ năm trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, điều chỉnh theo kỳ hạn 6 tháng/ lần hoặc theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Kỳ thanh toán nợ gốc : Trả đều hàng quý, cùng kỳ với nợ lãi, quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

Kỳ thanh toán lãi : Ngày 20 hàng quý (20/1, 20/4, 20/7 và 20/10).

Mục đích sử dụng vốn vay : Đầu tư thay mới ống mục trên địa bàn Quận 5, Quận 6, Quận 8 cho 16 dự án đã có Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay là Hệ thống đường ống cấp nước và các tài sản có liên quan do Agribank - Chi nhánh Chợ Lớn tài trợ theo

Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 6220-LCL-2017.01008/HTTL ngày 16/10/2017.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2018
Trong vòng 1 năm	3.737.480.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	18.687.400.000
Sau 5 năm	4.767.260.986
Cộng	27.192.140.986
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(3.737.480.000)
Số phải trả sau 12 tháng	23.454.660.986

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	Chi phí trả trước dài hạn
01/01/2017	-
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	1.135.172.495
31/12/2017	1.135.172.495
Chuyển sang lợi nhuận (lỗ) trong năm	1.677.673.970
31/12/2018	2.812.846.465

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tại ngày 01 tháng 01	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Tăng khác	Tại ngày 31 tháng 12
2017					
Quỹ khen thưởng	1.743.678.388	2.549.870.877	2.455.143.608	113.100.000	1.951.505.657
Quỹ phúc lợi	538.192.800	2.549.870.877	2.985.547.250	5.650.401	108.166.828
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	678.594.669	660.087.543	74.483.726	92.990.852
Cộng	2.281.871.188	5.778.336.423	6.100.778.401	193.234.127	2.152.663.337
2018					
Quỹ khen thưởng	1.951.505.657	2.549.870.877	2.926.230.000	113.590.000	1.688.736.534
Quỹ phúc lợi	108.166.828	2.926.340.546	1.518.567.714	-	1.515.939.660
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	92.990.852	302.125.000	320.632.126	-	74.483.726
Cộng	2.152.663.337	5.778.336.423	4.765.429.840	113.590.000	3.279.159.920

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2017	130.000.000.000	57.386.667.692	21.946.515.784	209.333.183.476
Lãi trong năm trước	-	-	14.273.212.901	14.273.212.901
Trích lập các quỹ ĐTP – DPTC	-	5.726.427.237	(5.726.427.237)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.778.336.423)	(5.778.336.423)
Chia cổ tức trong năm	-	-	(9.100.000.000)	(9.100.000.000)
31/12/2017	130.000.000.000	63.113.094.929	15.614.965.025	208.728.059.954
<i>Điều chỉnh hồi tố theo Biên bản kiểm toán nhà nước</i>	-	-	3.325.468.223	3.325.468.223
01/01/2018	130.000.000.000	63.113.094.929	18.940.433.248	212.053.528.177
Lãi trong năm nay	-	-	13.553.466.600	13.553.466.600
Trích lập các quỹ ĐTP – DPTC	-	736.628.598	(736.628.598)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.778.336.423)	(5.778.336.423)
Chia cổ tức trong năm	-	-	(9.100.000.000)	(9.100.000.000)
31/12/2018	130.000.000.000	63.849.723.527	16.878.934.827	210.728.658.354

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 số **0304797806** ngày 18 tháng 05 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 13.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 3		31/12/2018	31/12/2017
	VND	%	VND	VND
Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn	3.000.000.000	2,31	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Á	2.766.520.000	2,13	-	-
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước Tp. HCM	3.005.000.000	2,31	3.005.000.000	3.005.000.000
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	66.304.000.000	51,00	66.304.000.000	66.304.000.000
Ông Lê Huy Hùng	-	-	21.567.900.000	21.567.900.000
Các cổ đông khác	54.924.480.000	42,25	36.123.100.000	36.123.100.000
Cộng	130.000.000.000	100,00	130.000.000.000	130.000.000.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm theo Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/4/2018 của Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2018 như sau:

	<u>2018</u>	<u>2017</u>
Chia cổ tức cho các cổ đông	9.100.000.000	9.100.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	736.628.598	5.726.427.237
Trích quỹ khen thưởng	2.549.870.877	2.549.870.877
Trích quỹ phúc lợi	2.926.340.546	2.549.870.877
Quỹ thưởng ban điều hành	302.125.000	678.594.669
Cộng	<u>15.614.965.021</u>	<u>20.604.763.660</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>2018</u>	<u>2017</u>
Doanh thu thuần	<u>1.005.813.045.826</u>	<u>983.312.053.071</u>
Doanh thu cung cấp nước	987.885.944.779	953.820.050.915
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.927.101.047	29.492.002.156
Doanh thu với bên liên quan	<u>5.248.258.775</u>	<u>94.419.459.584</u>
<i>Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn</i>	<i>5.248.258.775</i>	<i>94.419.459.584</i>
Cộng	<u>1.011.061.304.601</u>	<u>1.077.731.512.655</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>2018</u>	<u>2017</u>
Giá vốn cung cấp nước	924.294.850.158	997.300.342.785
Giá vốn cung cấp dịch vụ	15.869.855.253	13.390.386.647
Cộng	<u>940.164.705.411</u>	<u>1.010.690.729.432</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	3.089.489.837	1.162.882.466
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	41.208.916	78.156.524
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	376.400
Cộng	<u>3.130.698.753</u>	<u>1.241.415.390</u>

4. Chi phí tài chính

Lãi tiền vay	1.343.929.448	778.201.669
Cộng	<u>1.343.929.448</u>	<u>778.201.669</u>

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên bán hàng	11.866.003.689	10.441.217.636
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.043.411.715	776.121.316
Chi phí khấu hao	880.463.990	871.064.698
Chi phí bằng tiền khác	2.457.443.266	1.418.888.534
Cộng	<u>17.247.322.660</u>	<u>13.507.292.184</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên	20.542.809.736	21.252.851.285
Chi phí nguyên vật liệu	-	124.390.190
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.587.533.532	3.416.392.145
Chi phí khấu hao	3.850.771.711	4.057.926.000
Thuế, phí và lệ phí	211.440.159	908.332.767
Thuê đất	1.650.840.600	713.097.000
Chi phí dự phòng giảm giá	229.644.233	66.440.804
Chi phí dịch vụ mua ngoài	426.833.357	324.529.865
Chi phí bằng tiền khác	9.802.491.593	7.534.037.199
Cộng	<u>40.302.364.921</u>	<u>38.397.997.255</u>

7. Lợi nhuận khác

Thu nhập khác	2.263.773.424	7.374.166.497
Thu nhập bán hồ sơ mời thầu	10.000.001	72.727.280
Thu nhập khách hàng đầu tư ống cái không hoàn lại	1.120.027.565	1.966.587.804
Xử lý công nợ tồn đọng	-	2.023.945.026
Thanh lý tài sản cố định	73.650.822	62.236.105
Khảo sát cung cấp đường ống cấp thoát nước	6.536.000	25.046.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	2018	2017
Thu phí định mức nước, bồi thường di dời hệ thống cấp nước	559.712.674	3.076.871.000
Thu nhập khác	493.846.362	146.753.282
Chi phí khác	600.502.829	986.341.131
Chi phí hồ sơ mời thầu	7.692.000	-
Chi phí đầu tư không hoàn vốn ổng cái	531.800.033	1.196.472.729
Chi phí bồi thường, di dời	-	(336.881.939)
Chi phí khác	61.010.796	126.750.341
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	1.663.270.595	6.387.825.366

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2018	2017
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	16.796.951.509	21.986.532.871
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	11.419.232.642	(6.586.429.346)
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	5.377.718.867	28.572.962.217
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(8.651.959.584)	(5.723.136.630)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	9.428.599.563	(6.448.660.175)
Chênh lệch tạm thời khoản chi phí trả trước	9.428.599.563	(6.448.660.175)
Thu nhập không chịu thuế khác	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	776.639.979	725.523.545
Chi phí trích trước chưa có hóa đơn chứng từ	-	-
Chi phí phạt nộp chậm, truy thu thuế	-	-
Chi phí không liên qua hoạt động sản xuất kinh doanh	37.857.370	239.523.545
Lương HDQT không trực tiếp tham gia điều hành	738.782.609	486.000.000
Tỷ lệ ưu đãi đầu tư kinh doanh nước sạch	23%	24%
Thu nhập chịu thuế	8.144.991.925	16.263.396.241
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch được ưu đãi	631.874.457	(2.950.319.608)
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch không được ưu đãi	2.135.398.601	(9.359.246.368)
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	5.377.718.867	28.572.962.217
Thuế suất áp dụng		
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	10%	5%
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.565.810.939	3.252.679.248

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ năm 2007.

Theo Biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đó đến hết kỳ tính thuế năm 2018, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau : Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009.

Năm 2018 Công ty không còn được hưởng ưu đãi giảm thuế 50% đối với thu nhập từ hoạt động quản lý phát triển hệ thống cấp thoát nước. Chỉ còn được hưởng thuế suất 10%.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Chi phí trả trước dài hạn
01/01/2017	-
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	1.135.172.495
31/12/2017	1.135.172.495
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	1.677.673.970
31/12/2018	2.812.846.465

10. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2018	2017
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.553.466.600	17.598.681.128
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.728.595.339)	(5.778.336.423)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.824.871.261	11.820.344.705
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	679	909

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.553.466.600	17.598.681.128
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.728.595.339)	(5.778.336.423)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.824.871.261	11.820.344.705

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>2018</u>	<u>2017</u>
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	8.824.871.261	11.820.344.705
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	13.000.000	13.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	679	909
11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nước sạch	730.503.009.319	709.111.563.222
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.691.803.964	6.618.589.539
Chi phí nhân công	103.608.125.393	104.020.195.457
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.692.358.185	44.500.206.731
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.948.005.670	58.322.958.205
Chi phí khác bằng tiền	58.271.090.461	143.434.182.755
Cộng	997.714.392.992	1.066.007.695.909

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>2018</u>	<u>2017</u>
Mua sắm/ xây dựng tài sản trong kỳ chưa thanh toán	2.555.816.179	322.635.546
Cổ tức chưa thanh toán	1.065.178.735	1.116.623.691
Lãi vay chưa thanh toán	282.419.687	-
Lãi tiền gửi còn dự thu	941.469.774	83.437.500

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Lãi tiền gửi ngân hàng còn dự thu cuối kỳ trước đã thu trong kỳ này	83.437.500	33.583.333
Cổ tức năm trước được chi trả trong kỳ này	1.116.623.691	1.084.960.576
Thanh toán trước tiền mua tài sản cố định	6.372.486.740	17.942.280.968
Mua sắm tài sản cố định năm trước chi trả trong kỳ này	322.635.546	2.026.912.084

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn

Công ty Công trình giao thông Công Chánh

Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước

Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước sạch

Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh

Mối quan hệ

Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn Điều lệ)

Công ty cùng tập đoàn

Công ty cùng tập đoàn

Công ty cùng tập đoàn

Công ty cùng tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>2018</u>	<u>2017</u>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn		
Mua hàng hóa (nước sạch)	730.503.009.319	709.144.123.371
Mua vật tư	4.636.179.000	14.692.408.240
Thuê tài sản hoạt động	47.521.172.313	57.285.331.340
Lãi vay phải trả	387.650.731	778.201.669
Phải trả XDCB và TSCĐ	-	5.201.461.725
Phải trả do thu hộ và tiền dịch vụ khác	69.681.818	118.600.000
Phải thu do chi hộ	-	174.845.990
Phải thu cho thuê TSCĐ huyện Bình Chánh	10.365.741.056	3.000.941.426
Phải thu do chuyển nhượng ĐHN huyện Bình Chánh	-	82.492.664.487
Phải thu do cung cấp dịch vụ khác	<u>(63.386.497)</u>	<u>8.925.853.671</u>
Công ty Công trình giao thông Công Chánh		
Phải thu do cung cấp dịch vụ	<u>-</u>	<u>45.454.545</u>
Công ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước		
Phải trả phí thực hiện công trình XDCB, gia công đồng hồ nước	<u>1.004.631.836</u>	<u>244.377.603</u>
Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh		
Phải trả Xây dựng cơ bản	<u>717.510.137</u>	<u>-</u>
Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước sạch		
Phải thu cung cấp dịch vụ	<u>(10.776.471)</u>	<u>292.797.381</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn		
Phải thu thương mại	12.951.055.881	104.486.986.997
Phải thu các khoản chi hộ	15.695.000	2.987.027.416
Phải trả thương mại	(95.768.554.632)	(145.615.297.241)
Phải trả phí thực hiện công trình XD/CB	(711.572.719)	(7.109.095.468)
Phải trả tiền vay	<u>(27.192.140.986)</u>	<u>(5.499.949.329)</u>
Công ty Công trình giao thông Công Chánh		
Phải trả đặt cọc di dời đường ống	(70.000.000)	(110.000.000)
Phải trả tiền ứng trước cung cấp dịch vụ	<u>-</u>	<u>-</u>
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước		
Ứng trước phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tư thiết kế, tư vấn giám sát công trình	<u>103.158.207</u>	<u>446.849.460</u>
Công ty CP Tư Vấn XD CT Giao Thông Công Chánh		
Phải trả Xây dựng cơ bản	<u>223.677.256</u>	<u>-</u>
Xí nghiệp Truyền Dẫn Nước sạch		
Phải thu khác	<u>15.695.000</u>	<u>15.695.000</u>
Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan		
Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.		
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt		
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:		
	<u>2018</u>	<u>2017</u>
Tiền lương	2.448.000.000	1.893.044.960
Các khoản bảo hiểm phải trả	86.772.535	77.739.486
Cộng	<u>2.534.772.535</u>	<u>1.970.784.446</u>

2. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động gồm: Bộ phận cung cấp nước sạch và bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ, không đáng kể.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (quận 5, quận 6, quận 8, quận Bình Tân).

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.16a và V.16b trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>31/12/2018</u>	<u>31/12/2017</u>
Các khoản vay	27.192.140.986	5.499.949.329
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(32.462.303.526)	(50.360.540.017)
Nợ thuần	(5.270.162.540)	(44.860.590.688)
Vốn chủ sở hữu	210.728.658.354	212.053.528.177
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	(0,03)	(0,21)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>31/12/2018</u>		<u>31/12/2017</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.462.303.526	32.462.303.526	50.360.540.017	50.360.540.017
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	50.605.083.234	50.605.083.234	8.330.000	8.330.000
Phải thu của khách hàng	18.747.944.300	18.747.944.300	111.925.704.548	111.925.704.548
Phải thu khác	954.762.408	954.762.408	3.078.366.431	3.078.366.431
Cộng	102.770.093.468	102.770.093.468	165.372.940.996	165.372.940.996
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	106.546.476.852	106.546.476.852	153.361.303.772	153.361.303.772
Chi phí phải trả	12.090.394.702	12.090.394.702	39.515.227.083	39.515.227.083
Phải trả khác	26.589.676.638	26.589.676.638	34.079.979.300	34.079.979.300
Các khoản vay	27.192.140.986	27.192.140.986	5.499.949.329	5.499.949.329
Cộng	172.418.689.178	172.418.689.178	232.456.459.484	232.456.459.484

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá khác.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Toàn bộ các khoản vay của Công ty là từ Công ty mẹ và các Công ty trong cùng tập đoàn với lãi suất ổn định nên Công ty không có rủi ro về lãi suất.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng..).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.462.303.526	-	-	32.462.303.526
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	50.596.753.234	8.330.000	-	50.605.083.234
Phải thu của khách hàng	18.747.944.300	-	-	18.747.944.300
Phải thu khác	941.469.774	13.292.634	-	954.762.408
Cộng	102.748.470.834	21.622.634	-	102.770.093.468
Phải trả cho người bán	106.546.476.852	-	-	106.546.476.852
Chi phí phải trả	12.090.394.702	-	-	12.090.394.702
Phải trả khác	10.217.861.297	16.371.815.341	-	26.589.676.638
Các khoản vay	3.737.480.000	18.687.400.000	4.767.260.986	27.192.140.986
Cộng	132.592.212.851	35.059.215.341	4.767.260.986	172.418.689.178
Chênh lệch thanh khoản thuần	(29.843.742.017)	(35.037.592.707)	(4.767.260.986)	(69.648.595.710)
31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.360.540.017	-	-	50.360.540.017
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	8.330.000	-	8.330.000
Phải thu của khách hàng	111.925.704.548	-	-	111.925.704.548
Phải thu khác	3.070.464.916	7.901.515	-	3.078.366.431
Cộng	165.356.709.481	16.231.515	-	165.372.940.996
Phải trả cho người bán	153.361.303.772	-	-	153.361.303.772

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Chi phí phải trả	39.515.227.083	-	-	39.515.227.083
Phải trả khác	15.234.719.089	18.845.260.211	-	34.079.979.300
Các khoản vay	1.788.212.721	3.711.736.608	-	5.499.949.329
Cộng	209.899.462.665	22.556.996.819	-	232.456.459.484
Chênh lệch thanh khoản thuần	(44.542.753.184)	(22.540.765.304)	-	(67.083.518.488)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Số liệu so sánh

Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có phát sinh một số sai sót theo Biên bản làm việc của Kiểm toán Nhà nước số 13/TB-KV IV ngày 08 tháng 01 năm 2019. Công ty đã trình bày lại Báo cáo tài chính năm trước để điều chỉnh sai sót này.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh sai sót trên đến một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Bảng cân đối kế toán

	31/12/2017 (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	31/12/2017 (Đã được trình bày lại)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	112.385.056.009	1.525.740.075	113.910.796.084
Chi phí trả trước dài hạn	55.824.218.982	3.582.090.370	59.406.309.352
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15.384.220.961	1.837.495.894	17.221.716.855
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.190.306.171	(55.133.676)	1.135.172.495
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.614.965.021	3.325.468.227	18.940.433.248

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Năm 2017 (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm 2017 (Đã được trình bày lại)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.076.667.658.717	1.326.730.500	1.077.994.389.217
Giá vốn hàng bán	1.014.102.406.470	(3.411.677.038)	1.010.690.729.432
Chi phí quản lý doanh nghiệp	37.995.290.353	402.706.902	38.397.997.255
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.650.832.235	4.335.700.636	21.986.532.871
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.187.313.163	1.065.366.085	3.252.679.248
Chi phí thuế thu nhập	1.190.306.171	(55.133.676)	1.135.172.495

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm 2017 (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm 2017 (Đã được trình bày lại)
doanh nghiệp hoãn lại			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	846	63	909
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	846	63	909

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2017 (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm 2017 (Đã được trình bày lại)
Lợi nhuận trước thuế	17.650.832.235	4.335.700.636	21.986.532.871
Tăng, Giảm các khoản phải thu	(96.016.310.218)	(1.525.740.075)	(97.542.050.293)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	49.694.341.021	772.129.809	50.466.470.830
Tăng, giảm chỉ phí trả trước	2.891.616.618	(3.582.090.370)	(690.473.752)

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2019


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu


VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Kế toán trưởng



HUỲNH TUẤN ANH
Giám đốc

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

